

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **30/2018/HSST**
Ngày 20-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thanh Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Huỳnh Hường.

Bà Nguyễn Thị Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Ông Dương Việt Khái - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 07/2018/HSST ngày 24 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Kiều N, sinh năm 1968 tại Cà Mau. Tên gọi khác: Không. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Khóm 7, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hóa: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn P và bà Mạc Thị S (đã chết); tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10/11/2017 đến ngày 19/11/2017 cho gia đình bảo lãnh, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. (Bị cáo có mặt).

2. Họ và tên: Huỳnh Việt T, sinh năm 1961 tại Cà Mau. Tên gọi khác: Không. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Khóm 7, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Huỳnh Văn G (đã chết) và bà Đỗ Thị K (đã chết); tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10/11/2017 đến ngày 19/11/2017 cho gia đình bảo lãnh, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. (Bị cáo có mặt).

3. Họ và tên: Lê Thị P, sinh năm 1963 tại Tiền Giang. Tên gọi khác: Không. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Khóm 2, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo:

Không; con ông Lê Văn H (đã chết) và bà Võ Thị H; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. (Bị cáo có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 7, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 15 giờ 30 phút ngày 09 tháng 11 năm 2017, Phòng Cảnh sát hình sự, Công an tỉnh Cà Mau bắt quả tang Lê Kiều N, Huỳnh Việt T và Nguyễn Thị Hồng L về hành vi mua bán số đề tại nhà Lê Kiều N và Huỳnh Việt T tọa lạc tại khóm 7, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Qua điều tra, Lê Kiều N khai nhận trong ngày 09 tháng 11 năm 2017 bán số đề dựa trên kết quả xổ số kiến thiết đài An Giang và Bình Thuận, bán số đề cho Nguyễn Thị Hồng L, Lê Thị P, Hùng K, P, T với số tiền **12,870,000 đồng**. Ngoài ra, N còn ghi thêm số đề vào các phôi đề để mua cho N số tiền **406,000 đồng**. Hình thức thắng thua là số đầu, số đuôi 1,000 đồng thắng 70,000 đồng; số lô 02 con 1,000 đồng thắng 80,000 đồng; số lô 03 con 1,000 đồng thắng 600,000 đồng; số đá 1,000 đồng thắng 600,000 đồng.

Kết quả điều tra Lê Thị P khai nhận vào ngày 09 tháng 11 năm 2017 mua số đề của Lê Kiều N bán với số tiền **8,030,000 đồng**.

Kết quả điều tra, Huỳnh Việt T **biết rõ** vợ là Lê Kiều N bán số đề để hưởng hoa hồng và đồng tình với việc này. Nhiệm vụ của T hàng ngày **nằm ngoài võng để cảnh giới công an để N vào phòng đóng cửa lại để bán số đề**. Ngày 09 tháng 11 năm 2017, T nằm ngoài võng cảnh giới công an và **nhận phôi đề của Nguyễn Thị Hồng L rồi đưa vào phòng cho N** thì bị bắt quả tang. Do đó, T đồng phạm với N về hành vi đánh bạc với vai trò giúp sức.

Kết quả điều tra, Nguyễn Thị Hồng L mua số đề của Lê Kiều N số tiền **540,000 đồng**.

Tang vật thu giữ: Ngày 09 tháng 11 năm 2017, Phòng Cảnh sát hình sự, Công an tỉnh Cà Mau thu tại nhà của Lê Kiều N 05 tờ giấy có ghi nhiều con số, dạng phôi đề, có chữ ký xác nhận của Lê Kiều N. Ngoài ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện T còn thu giữ của Lê Thị P 01 điện thoại hiệu Philips màu trắng, số điện thoại 0916.591.636 và 7,352,000 đồng; thu của Lê Kiều N 01 điện thoại masstel màu trắng, số điện thoại 0945.355.838 và 10,000,000 đồng (Hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện T đang quản lý).

Bản cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo N, T, P về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo N, T, P đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, bà L khai nhận có mua số đề của bị cáo N với số tiền 540.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố và tranh luận: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo N, T, P đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo N, T, P về tội “Đánh bạc”. Về trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt bị cáo N 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm.

+ Xử phạt bị cáo T 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm.

+ Xử phạt bị cáo P 09 tháng đến 01 năm tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm.

Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự:

-Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo N số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

-Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo T số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

-Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo P số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Buộc bị cáo N nộp số tiền dùng vào việc đánh bạc là 5.246.000 đồng. Buộc bị cáo nộp số tiền dùng vào việc đánh bạc là 8.030.000 đồng tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

+ Về tang vật áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Đối với 01 điện thoại hiệu Philips màu trắng, số điện thoại 0916.591.636 thu giữ của Lê Thị P và 01 điện thoại masstel màu trắng, số điện thoại 0945.355.838 thu giữ của Lê Kiều N xét thấy đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội của bị cáo, nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

+ Đối với số tiền 7,352,000 đồng của bị cáo P và số tiền 10,000,000 đồng của bị cáo N nộp, cần tiếp duy trì giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện T quản lý để đảm bảo việc thi hành án.

+ Đối với 05 tờ giấy có ghi nhiều con số, dạng phôi đề, có chữ ký xác nhận của Lê Kiều N, xét thấy đây là chứng cứ trong vụ án, do đó cần tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo N, T, P khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

+ Đối với bị cáo N, khai nhận: Trong ngày 09 tháng 11 năm 2017 bán số đề dựa trên kết quả xổ kiến thiết đài An Giang và Bình Thuận, bán số đề cho Nguyễn Thị Hồng L, Lê Thị P, Hùng K, P, T với số tiền **12,870,000 đồng**. Ngoài ra, N còn ghi thêm số đề vào các phôi đề để mua cho N số tiền **406,000 đồng**. Tổng số tiền bị cáo N dùng đánh bạc là **13.276.000 đồng**. Ngoài ra, bị cáo N còn khai nhận 01 điện thoại masstel màu trắng, số điện thoại 0945.355.838 là công cụ, phương tiện dùng để liên lạc ghi số đề.

+ Đối với bị cáo P, khai nhận: Vào ngày 09 tháng 11 năm 2017 mua số đề của Lê Kiều N bán tổng cộng 03 lần với số tiền **8,030,000 đồng**. Cụ thể: lần thứ nhất mua tổng số tiền là 3.920.000 đồng; lần thứ hai mua tổng cộng số tiền là 2.550.000 đồng; lần thứ ba mua tổng cộng số tiền là 1.560.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo P còn khai nhận 01 điện thoại hiệu Philips màu trắng, số điện thoại 0916.591.636 là công cụ, phương tiện dùng để liên lạc ghi số đề.

+ Đối với bị cáo T, khai nhận: **Biết rõ** vợ là Lê Kiều N bán số đề để hưởng hoa hồng và đồng tình với việc này. Nhiệm vụ của T hàng ngày **nằm ngoài văng để cảnh giới công an để N vào phòng đóng cửa lại để bán số đề và** ngày 09 tháng 11

năm 2017, T nằm ngoài vòng cảnh giới công an và **nhận phoi đề của Nguyễn Thị Hồng L rồi đưa vào phòng cho N.**

Trước trong và sau khi các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đủ năng lực và đủ độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của các bị cáo gây ra.

Từ những lập luận, phân tích và đánh giá các chứng cứ nêu trên. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận các bị cáo N, P, T đã phạm tội “Đánh bạc”, đối với bị cáo T phạm tội do đồng phạm và giúp sức cho bị cáo N, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Đối với quan điểm của Viện kiểm sát truy tố đối với các bị cáo N, P, T về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự và phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo là phù hợp và có căn cứ, nên cần chấp nhận.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng, nhưng gây mất trật tự công ở địa phương, bị cáo N và bị cáo P đã lợi dụng kết quả xổ kiến thiết của tỉnh An Giang và tỉnh Bình Thuận là loại hình kinh doanh hợp pháp của nước ta để đánh bạc trái phép bằng các hình thức ghi số đề (số đầu, số đuôi, số lô, số đá) ăn thua bằng tiền, đối với bị cáo T biết rõ bị cáo N bán số đề trái phép nhưng vẫn đồng tình và giúp sức cho bị N bằng cách cảnh giới công an trong việc bán số đề và nhận phoi đề của các người mua số đề đưa cho N. Hành vi phạm tội của các bị cáo làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của người dân xung quanh ở địa phương, các bị cáo cũng biết được việc phạm tội của các bị cáo bị pháp luật nghiêm cấm và hậu quả sẽ gây ra là các hệ lụy xấu khác cho gia đình và toàn xã hội, nhưng các bị cáo vẫn sẵn sàng thực hiện hành vi phạm tội của mình. **Do đó cần xử lý nghiêm đối với hành vi của các bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt cho gia đình và xã hội, ngoài ra còn đảm bảo công tác phòng chống tội phạm chung trong toàn xã hội.**

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có nhân thân tốt thể hiện ở việc các bị cáo không có tiền án, tiền sự. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là phù hợp.

Từ những lập luận, phân tích và đánh giá về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy các điều luật và mức hình phạt của Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp, nên cần chấp nhận. Riêng bị cáo T đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù cho bị cáo hưởng án treo là có phần hơi nghiêm khắc, bởi bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức và không có hưởng lợi, do đó cần cho bị cáo hưởng mức hình phạt thấp hơn mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp và có căn cứ.

Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, có khả năng tự cải tạo là đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị Quyết 01/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Tòa án nhân dân tối cao, nên không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội để cải tạo, mà cho các bị cáo cải tạo ở địa phương cũng đủ điều kiện giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt cho gia đình và xã hội.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo N, T, P mỗi bị cáo với số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng là phù hợp, nên cần chấp nhận.

Đối với số tiền dùng vào việc đánh bạc với tổng số tiền 13.276.000 đồng, buộc bị cáo P nộp số tiền 8.030.000 đồng, buộc bị cáo N nộp số tiền 5.246.000 đồng, sau đó tịch thu sung vào ngân sách nhà nước là phù hợp.

Đối với những người mua số đề của Lê Kiều N ngày 09 tháng 11 năm 2017 tên Hùng K, P, T nhưng hiện nay không xác định lai lịch, không làm việc được nên Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện T tách ra tiếp tục điều tra, nếu có căn cứ sẽ xử lý sau là đúng.

Đối với hành vi của Lê Kim P có nhận phôi đề, Nguyễn Thị Hồng L có hành vi mua số đề của Lê Kiều N nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện T ra quyết định xử phạt hành chính là có căn cứ.

[4] Về vật chứng và xử lý vật chứng áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Đối với 01 điện thoại hiệu Philips màu trắng, số điện thoại 0916.591.636 thu giữ của Lê Thị P và 01 điện thoại masstel màu trắng, số điện thoại 0945.355.838 thu giữ của Lê Kiều N xét thấy đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội của các bị cáo, nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước là phù hợp.

+ Đối với số tiền 7,352,000 đồng của bị cáo P và số tiền 10,000,000 đồng của bị cáo N nộp, cần tiếp duy trì giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện T quản lý để đảm bảo việc thi hành án.

+ Đối với 05 tờ giấy có ghi nhiều con số, dạng phơi đề, có chữ ký xác nhận của Lê Kiều N, xét thấy đây là chứng cứ trong vụ án, do đó cần tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án là phù hợp.

[5] Về án phí trong vụ án hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo là 200.000 đồng theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: các bị cáo Lê Kiều N, Huỳnh Việt T, Lê Thị P phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Kiều N**: 01 (một) năm tù, cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 20/3/2018).

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Việt T**: 09 (chín) tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 20/3/2018).

Xử phạt bị cáo **Lê Thị P**: 09 (chín) tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 20/3/2018).

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau quản lý giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự:

- Phạt bổ sung bằng tiền bị cáo N số tiền 15.000.000 đồng.
- Phạt bổ sung bằng tiền bị cáo T số tiền 10.000.000 đồng.
- Phạt bổ sung bằng tiền bị cáo P số tiền 10.000.000 đồng.

Buộc bị cáo N nộp số tiền **5.246.000 đồng**, **buộc bị cáo nộp số tiền 8.030.000 đồng tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.**

2. Về vật chứng và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại hiệu Philips màu trắng, số điện thoại 0916.591.636 thu giữ của Lê Thị P và 01 điện thoại masstel màu trắng, số điện thoại 0945.355.838 thu giữ của Lê Kiều N.

+ Tiếp duy trì số tiền 7,352,000 đồng của bị cáo P và số tiền 10,000,000 đồng của bị cáo N nộp, giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện T quản lý, để đảm bảo việc thi hành bản án.

(Các tang vật và tiền hiện nay Chi cục thi hành án dân sự huyện T đang quản lý).

+ Tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án 05 tờ giấy có ghi nhiều con số, dạng phơi đề, có chữ ký xác nhận của Lê Kiều N.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Kiều N phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Buộc bị cáo Huỳnh Việt T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Buộc bị cáo Lê Thị P phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau.
- Bị cáo;
- VKSND huyện T;
- CQĐT Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Nhà tạm giữ Công an huyện T;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Từ Thanh Nhung